

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập đề án Chất lượng cao với học phí tương ứng
học kỳ II năm học 2015-2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Công văn 861/ĐHQG-KHTC ngày 21 tháng 05 năm 2013 của ĐHQG-HCM về việc đề án thí điểm chương trình đào tạo chất lượng cao với học phí tương ứng;

Căn cứ Công văn 1011/ĐHQG-ĐH&SDH ngày 17 tháng 06 năm 2013 của ĐHQG-HCM về việc triển khai các chương trình thuộc Đề án thí điểm chương trình chất lượng cao với học phí tương ứng;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-ĐHKTL ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành quy định đào tạo cử nhân chất lượng cao hệ đại học chính quy theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1094/QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Ban giám sát, Ban thư ký thuộc đề án Chất lượng cao với học phí tương ứng trường Đại học Kinh tế - Luật;

Xét đề nghị của thường trực Ban điều hành đề án,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 99 sinh viên thuộc Chương trình Chất lượng cao với học phí tương ứng khóa được cấp học bổng khuyến khích học tập HK2(15-16) theo nội dung đề án Chất lượng cao (Danh sách và mức học bổng kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng Đào tạo, phòng Kế hoạch – Tài chính, phòng Công tác sinh viên, Trưởng các Khoa có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách đính kèm theo điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, Ban TK đề án.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC: 2015-2016
(Theo Quyết định số 1252... ngày 20... Tháng 12 năm 2016)

Lớp	STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
K13402C	1	K134040406	Nguyễn Thị	Hồng	05/01/1995	20	8.68	95.00	Giỏi	14,000,000
	2	K134080936	Nguyễn Ngọc Xuân	Anh	15/08/1995	20	8.63	95.00	Giỏi	7,000,000
	3	K135011233	Nguyễn Hoài	Phương	09/12/1995	20	8.63	84.00	Giỏi	7,000,000
	4	K134030307	Lưu Hoàng	Lan	28/07/1995	20	8.55	80.00	Giỏi	3,500,000
	5	K134040380	Lê Thị Thủy	Dung	09/02/1995	20	8.45	95.00	Giỏi	3,500,000
	6	K134040389	Dương Minh	Đạt	16/02/1995	20	8.33	91.00	Giỏi	3,500,000
	7	K134020235	Nguyễn Thị Hồng	Thịnh	05/03/1995	20	8.28	82.00	Giỏi	3,500,000
	8	K134020124	Nguyễn Thị	Hồng	26/05/1995	20	8.25	95.00	Giỏi	3,500,000
K13404C	9	K134040517	Hồ Thị Quỳnh	Trâm	20/04/1995	19	8.79	90.00	Giỏi	14,000,000
	10	K134040456	Nguyễn Thị Kim	Ngân	15/12/1995	19	8.74	90.00	Giỏi	7,000,000
	11	K134040429	Phan Thị Ngọc	Khuê	08/09/1995	19	8.53	93.00	Giỏi	3,500,000
K13409C	12	K134091113	Nguyễn Anh	Tuấn	26/06/1995	16	8.97	95.00	Giỏi	14,000,000
	13	K134091808	Lê Mỹ	Linh	12/01/1995	16	8.44	92.00	Giỏi	7,000,000
	14	K134091131	Nguyễn Ngô Phúc	Thịnh	17/02/1995	16	8.38	80.00	Giỏi	3,500,000
	15	K135021421	Lê Đình	Văn	27/04/1995	18	8.81	84.00	Giỏi	14,000,000

Lớp	STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
K13502C	16	K135021286	Đào Hoàng Vân	Anh	01/11/1995	18	8.67	90.00	Giỏi	7,000,000
	17	K135021352	Tô Thảo	Nguyễn	02/01/1995	18	8.67	88.00	Giỏi	7,000,000
	18	K135031485	Dương Thị	My	27/07/1994	18	8.50	98.00	Giỏi	3,500,000
	19	K135021322	Trần Châu Hoài	Hận	06/05/1995	18	8.50	93.00	Giỏi	3,500,000
	20	K135021379	Nguyễn Ngọc Anh	Tú	16/08/1995	18	8.44	98.00	Giỏi	3,500,000
K14402C	21	K144020274	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	30/07/1996	23	8.63	83.00	Giỏi	12,500,000
	22	K144020171	Phạm Quốc	Hùng	08/11/1996	17	8.53	98.00	Giỏi	6,250,000
	23	K144020170	Phạm Nguyễn Phi	Hùng	24/04/1996	24	8.38	83.00	Giỏi	6,250,000
	24	K144020213	Hàn Nhật Ánh	Ngọc	05/02/1997	29	8.21	83.00	Giỏi	3,125,000
	25	K144010092	Phạm Hữu Lưu	Thùy	19/07/1996	15	8.20	77.00	Giỏi	3,125,000
	26	K144020154	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	25/12/1996	27	8.17	80.00	Giỏi	3,125,000
K14404C	27	K144040518	Trần Ngọc Quỳnh	Mai	11/04/1996	21	8.07	85.00	Giỏi	6,250,000
	28	K144040524	Hoàng Hải	Ngân	15/01/1996	21	8.07	85.00	Giỏi	6,250,000
K14408C	29	K144070944	Trần Bảo	Ngọc	14/01/1996	20	8.38	80.00	Giỏi	12,500,000
	30	K144071022	Phạm Hoàng Diệp	Trình	15/08/1996	18	8.25	88.00	Giỏi	6,250,000
	31	K144070859	Lưu Ngọc	Diệp	04/09/1995	20	8.18	90.00	Giỏi	6,250,000
	32	K144030389	Trần Thị Kim	Oanh	05/11/1995	18	8.17	98.00	Giỏi	6,250,000
	33	K144101329	Hoàng Thị Khánh	Linh	08/05/1996	18	8.17	98.00	Giỏi	6,250,000
	34	K145011506	Nguyễn Đăng	Huy	27/02/1996	18	8.17	80.00	Giỏi	6,250,000

Lớp	STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
	35	K144081069	Nguyễn Thị Thanh	Giang	22/03/1996	20	8.13	80.00	Giỏi	3,125,000
	36	K144040596	Nguyễn Đăng Thiện	Tín	18/02/1996	18	8.00	91.00	Giỏi	3,125,000
	37	K145041903	Nguyễn Thị	Lụa	10/07/1995	18	8.00	87.00	Giỏi	3,125,000
	38	K144101307	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	23/04/1996	18	8.00	71.00	Giỏi	3,125,000
K14409C	39	K144091169	Nguyễn Hữu	Cường	22/01/1996	17	9.00	81.00	Xuất sắc	12,500,000
	40	K144091280	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	02/08/1996	22	8.45	86.00	Giỏi	6,250,000
	41	K144091262	Nguyễn Châu	Thuận	06/01/1996	22	8.34	85.00	Giỏi	3,125,000
	42	K144010088	Trần Thị Băng	Tâm	18/04/1996	22	8.25	80.00	Giỏi	3,125,000
K14502C	43	K145021740	Trần Khánh	Toàn	01/12/1996	17	8.35	95.00	Giỏi	12,500,000
	44	K145011613	Nguyễn Thị Kim	Yến	10/10/1995	17	8.32	95.00	Giỏi	6,250,000
	45	K145021701	Phạm Thị Kiều	Oanh	16/10/1996	17	8.21	98.00	Giỏi	3,125,000
	46	K145021767	Nguyễn Thị Thụy	Vì	19/08/1996	17	8.12	85.00	Giỏi	3,125,000
	47	K145021681	Huỳnh Trịnh Ly	Ly	16/07/1996	17	8.06	82.00	Giỏi	3,125,000
	48	K145021670	Đỗ Triệu Anh	Kiệt	19/02/1996	17	8.06	100.00	Giỏi	3,125,000
K15402C	49	K154020199	Trần Thị Yến	Nhi	08/09/1997	18	8.86	90.00	Giỏi	11,000,000
	50	K154020219	Trần Anh Minh	Uyên	05/12/1997	18	8.75	85.00	Giỏi	5,500,000
	51	K154020215	Bùi Bảo	Trần	16/04/1997	18	8.56	99.00	Giỏi	5,500,000
	52	K154020186	Nguyễn Thị Diệu	Hằng	12/12/1997	18	8.56	85.00	Giỏi	5,500,000
	53	K154020208	Phạm Ngô Minh	Thái	19/10/1997	18	8.53	95.00	Giỏi	2,750,000

Lớp	STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
	54	K154020192	Mai	Linh	08/11/1997	18	8.36	80.00	Giỏi	2,750,000
	55	K154020214	Huỳnh Thị	Trang	23/03/1997	18	8.33	95.00	Giỏi	2,750,000
	56	K154020189	Nguyễn Thị	Hồng	10/05/1997	18	8.31	98.00	Giỏi	2,750,000
K15404C	57	K154040428	Phạm Thị Minh	Huyền	14/04/1997	18	8.11	95.00	Giỏi	11,000,000
	58	K154040445	Đặng Ngọc Anh	Thư	22/05/1997	18	7.86	80.00	Khá	5,500,000
	59	K154040423	Trần Ngô Trúc	Giang	19/10/1997	18	7.75	81.00	Khá	5,500,000
	60	K154040440	Ung Ngọc	Quyên	09/09/1997	18	7.67	96.00	Khá	5,500,000
	61	K154040443	Lương Thanh	Thảo	08/09/1997	18	7.67	82.00	Khá	5,500,000
	62	K154040446	Huỳnh Thảo	Trang	24/04/1997	18	7.64	95.00	Khá	2,750,000
	63	K154040420	Phan Khương	Duy	05/04/1997	18	7.64	83.00	Khá	2,750,000
	64	K154040448	Nguyễn Thị Huỳnh	Trang	20/12/1997	18	7.53	85.00	Khá	2,750,000
K15407C	65	K154070724	Nguyễn Ngọc	Thanh	19/07/1997	18	8.17	100.00	Giỏi	11,000,000
	66	K154070722	Huỳnh	Phát	30/12/1997	18	8.11	100.00	Giỏi	5,500,000
	67	K154070716	Phạm Như	Ngọc	12/08/1997	18	7.94	80.00	Khá	5,500,000
	68	K154070737	Cao Trương Tường	Vy	08/01/1997	18	7.89	83.00	Khá	2,750,000
	69	K154070717	Lê Nhật	Nguyễn	16/09/1997	18	7.83	95.00	Khá	2,750,000
	70	K154070723	Đặng Thiên	Phúc	15/01/1997	18	7.83	90.00	Khá	2,750,000
	71	K154070739	Nguyễn Thái Phương	Vy	21/04/1997	18	7.78	87.00	Khá	2,750,000
	72	K154070711	Nguyễn Thị Hồng	Linh	28/12/1997	18	7.78	86.00	Khá	2,750,000

Handwritten signature

Lớp	STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VND
K15408C	73	K154080826	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	24/10/1997	18	8.78	93.00	Giỏi	11,000,000
	74	K154080855	Trương Lê Ngọc	Trình	23/07/1997	18	8.58	93.00	Giỏi	5,500,000
	75	K154080845	Trần Thị Hồng	Thắm	29/07/1997	20	8.23	93.00	Giỏi	5,500,000
	76	K154080827	Nguyễn Ngọc Lan	Chi	05/07/1997	18	8.08	80.00	Giỏi	5,500,000
	77	K154080852	Đoàn Thị Thảo	Trâm	21/05/1997	18	8.06	90.00	Giỏi	2,750,000
	78	K154080835	Nguyễn Duy	Lộc	02/05/1997	18	8.03	84.00	Giỏi	2,750,000
	79	K154080856	Trần Thị Anh	Trúc	21/06/1997	18	8	85.00	Giỏi	2,750,000
	80	K154080844	Phan Thị Như	Thảo	25/11/1997	18	8	100.00	Giỏi	2,750,000
K15409C	81	K154090952	Đinh Lê Minh	Hiếu	16/10/1997	18	8.75	90.00	Giỏi	11,000,000
	82	K154090947	Phạm Phú Thành	Đạt	06/04/1997	18	8.56	80.00	Giỏi	5,500,000
	83	K154090951	Đoàn Gia	Hân	21/09/1997	18	8.44	90.00	Giỏi	5,500,000
	84	K154050481	Bùi Ngọc	Linh	07/02/1997	18	8.42	85.00	Giỏi	5,500,000
	85	K154090960	Phạm Như	Ngọc	08/03/1997	18	8.39	80.00	Giỏi	5,500,000
	86	K154090964	Lê Nhược	Quân	01/02/1997	18	8.36	85.00	Giỏi	2,750,000
	87	K154090961	Lương Thị Thanh	Nhã	29/01/1997	18	8.33	80.00	Giỏi	2,750,000
	88	K154090954	Trần Trọng	Hữu	04/03/1997	18	8.28	85.00	Giỏi	2,750,000
	89	K155021336	Lê Thị Thủy	Tiên	13/04/1997	20	8.55	86.00	Giỏi	11,000,000
	90	K155021330	Huỳnh Minh	Tâm	24/05/1997	18	8.5	80.00	Giỏi	5,500,000
	91	K155021325	Lê Thủy Thảo	Nguyên	04/05/1997	16	8.47	90.00	Giỏi	5,500,000

Lớp	STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
K15502C	92	K155021308	Nguyễn Chí	Bảo	08/11/1997	16	8.34	84.00	Giỏi	2,750,000
	93	K155021332	Dương Thị Phương	Thảo	03/06/1997	16	8.28	95.00	Giỏi	2,750,000
	94	K155021331	Trương Thiện Tuyết	Thanh	04/10/1997	18	8.25	90.00	Giỏi	2,750,000
	95	K155021322	Nguyễn Thị Thanh	Loan	27/01/1997	18	8.22	87.00	Giỏi	2,750,000
	96	K155021338	Đoàn Thị Bích	Trân	17/05/1997	20	8.1	80.00	Giỏi	2,750,000
	97	K155021335	Nguyễn Nguyễn Uyên	Thy	15/04/1997	18	8.06	85.00	Giỏi	2,750,000
	98	K155021317	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	17/05/1997	18	8.06	83.00	Giỏi	2,750,000
	99	K155021319	Cao Duy	Khôi	25/05/1997	16	8	92.00	Giỏi	2,750,000

Tổng Cộng

531,625,000

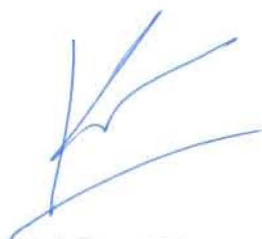
Số tiền bằng chữ: Năm trăm ba mươi một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Người lập bảng

Trưởng P.CTSV

Trưởng P.KHTC

Hiệu trưởng

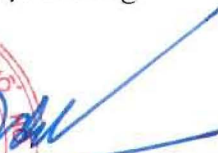


Lê Kim Vũ



Nguyễn Thị Thu Trang





Nguyễn Đình Hưng

Nguyễn Tiến Dũng